

UNIT 10:**SPACE TRAVEL****SKILLS 1****I/ NEW WORDS:**

- recount	(v) : kể lại chi tiết
- realize	(v) : nhận thức rõ
- harmoniously	(adv) : hài hòa
- collaborate	(v) : cộng tác
- boundary	(n) : đường biên giới
- cooperate	(v) : hợp tác
- homesick	(adj) : nhớ nhà
- monitoring system	(n) : hệ thống giám sát
- approach	(v) : đến gần
- Hero of the Soviet Union	(n) : Anh hùng xô Viết
- Hero of Viet Nam people's Armed Forces	(n):Anh hùng vũ trang nhân dân Việt Nam